

viện Nguyễn Trãi chủ trì theo Quyết định số 90/QĐ-SKHCN ngày 19 tháng 1 năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Minh Tường Vân, Nguyễn Trần Tô Trân, Nguyễn Văn Trí (2019). Khảo sát chất lượng giấc ngủ và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại cộng đồng quận 8 TP. Hồ Chí Minh. Tạp Chí Học Thành Phố Hồ Chí Minh, 23 (6), 83–9.
2. Abd Allah ES, Abdel-Aziz HR, Abo El-Seoud AR (2014). Insomnia: Prevalence, risk factors, and its effect on quality of life among elderly in Zagazig City, Egypt. J Nurs Educ Pract, 4 (8), 52.
3. To N, Nguyen N (2015). Validity of the Vietnamese version of the Pittsburgh sleep quality index. Sleep Med, 16:S52.
4. Mai VQ, Sun S, Minh HV, Luo N, Giang KB, Lindholm L, et al (2020). An EQ-5D-5L Value

Set for Vietnam. Qual Life Res Int J Qual Life Asp Treat Care Rehabil, 29 (7), 1923–33.

5. Võ Thị Hà Hoa, Nguyễn Thị Khánh Linh (2021). Nghiên cứu chất lượng giấc ngủ và một số yếu tố liên quan của người cao tuổi tại thành phố Đà Nẵng. Nội Tiết Và Đái Tháo Đường, 47, 155–61.
6. Hirshkowitz M, Whiton K, Albert SM, Alessi C, Bruni O, DonCarlos L, et al (2015). National Sleep Foundation's sleep time duration recommendations: methodology and results summary. Sleep Health, 1 (1), 40–3.
7. Liu X, Liu L (2005). Sleep Habits and Insomnia in a Sample of Elderly Persons in China. Sleep, 28 (12), 1579–87.
8. Bliwise DL, Foley DJ, Vitiello MV, Ansari FP, Ancoli-Israel S, Walsh JK (2009). Nocturia and disturbed sleep in the elderly. Sleep Med, 10 (5), 540–8.

KHẢ NĂNG DUY TRÌ HAPPY HOUSE - CAN THIỆP SỨC KHỎE TÂM THẦN TẠI 4 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CỦA HÀ NỘI

Nguyễn Thị Nga¹, Trần Đức Thạch², Lã Linh Nga³, Nguyễn Thị Thu Hằng⁴, Nguyễn Thanh Hương¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Phân tích khả năng duy trì của chương trình can thiệp (Happy House) về sức khỏe tâm thần (SKTT) với học sinh lớp 10 (HS) tại 4 trường trung học phổ thông (THPT), Hà Nội. **Phương pháp:** Thiết kế cắt ngang kết hợp định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính: phỏng vấn sâu (PVS), thảo luận nhóm (TLN) với HS, cha mẹ HS, giáo viên và lãnh đạo trường. Nghiên cứu định lượng: phát vấn trực tuyến 531 HS theo phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn. Số liệu định tính được ghi âm, gỡ băng và phân tích theo chủ đề nghiên cứu. Số liệu định lượng được làm sạch và phân tích mô tả bằng phần mềm Stata 14.0. **Kết quả:** Hầu hết các bên liên quan và bản thân HS đánh giá khả năng duy trì của chương trình là khá cao theo các khía cạnh về tính hữu ích, sự phù hợp của chương trình, mong muốn tiếp tục của các bên tham gia, trường học có đủ năng lực để thực hiện trên cơ sở được đào tạo, chính sách hiện hành thuận lợi, có thể điều chỉnh và lồng ghép để duy trì. Tỷ lệ HS đánh giá chương trình là hữu ích; phù hợp để duy trì và mong muốn tiếp tục chương trình ở mức cao và rất cao lần lượt là 78% và 75%. **Kết luận:** Chương trình Happy

House có khả năng duy trì cao và nên được tham khảo để góp phần cải thiện sức khỏe tâm thần của HS.

Từ khóa: khả năng duy trì, sức khỏe tâm thần, can thiệp Happy House, vị thành niên

SUMMARY

SUSTAINABILITY OF HAPPY HOUSE - A MENTAL HEALTH PROGRAM IN FOUR HIGH SCHOOLS IN HANOI

Aims: To evaluate the sustainability of Happy House – a mental health program in 4 high schools in Hanoi. **Methods:** A cross-sectional study combines qualitative and quantitative methods. Qualitative research conducts among students, parents, teachers and representative of schools by using in-depth interviews, focus group interviews. A total of 531 students were recruited in the quantitative research (multi-stage sampling). Data analysis included a content analysis and descriptive analysis by Stata 14.0. **Results:** Majority respondents indicated that sustainability of Happy House program was high based on usefulness of program, suitable to maintain, desired to continue program, schools have capacity to continue under condition of teacher training, advantages of policies, the program's ease of adaptation and integration. Proportion of program usefulness, suitable to maintenance and desired to continue program were high (respectively 78%, 75%). **Conclusion:** The Happy House program is highly maintainable and should be considered for implementation to the improvement of students' mental health.

Keywords: sustainability, mental health, Happy House, adolescent

¹Trường Đại học Y tế Công cộng

²Đại học Monash, Úc

³Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng KH Tâm lý-Giáo dục (PPRAC)

⁴Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Nga

Email: ntn5@huph.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 11.8.2023

Ngày duyệt bài: 25.8.2023

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vị thành niên (VTN) là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng sang tuổi trưởng thành và đối mặt với các vấn đề sức khỏe tâm thần (SKTT) ngày càng tăng. Báo cáo tổng quan của Silva và cộng sự cho thấy tỷ lệ VTN toàn cầu mắc các vấn đề SKTT là khoảng 25-31%. Năm 2022, điều tra SKTT VTN Việt Nam đã công bố có khoảng 21,7% VTN (10-17 tuổi) có các vấn đề SKTT trong 12 tháng qua (1). Trên nhóm HS trung học phổ thông (THPT), kết quả nghiên cứu năm 2019 ở Hà Nội cho thấy 56,8% có dấu hiệu căng thẳng, 45,2% có dấu hiệu lo âu và 19,3% có dấu hiệu trầm cảm ở mức cần can thiệp (2).

Tại Việt Nam, các tổ chức cũng đã triển khai một số chương trình can thiệp SKTT tại trường học tập trung vào cải thiện kiến thức, thái độ và thực hành về SKTT, tăng kỹ năng sống cho HS. Năm 2017, Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT đã tạo môi trường chính sách thuận lợi cho việc triển khai tư vấn tâm lý cho HS tại trường học. Tuy nhiên, sau hơn 5 năm triển khai cho thấy vẫn còn khó khăn về chỉ đạo, nguồn lực thực hiện; có sự khác nhau về nội dung, hình thức thực hiện giữa các trường học (3). Điều này cho thấy nhu cầu rõ ràng về cần tiếp tục có những giải pháp can thiệp cụ thể, theo hướng dự phòng phổ quát tại trường học.

Chương trình Resourcerful Adolescent Program của Úc là chương trình dự phòng phổ quát tại trường học về SKTT dành cho VTN. Chương trình đã được triển khai trong hơn 20 năm qua tại nhiều quốc gia và đã mang lại hiệu quả tích cực trong giảm các vấn đề SKTT bao gồm trầm cảm, lo âu, tăng khả năng ứng phó với các tình huống khó khăn. Chương trình này đã được hiệu chỉnh (lấy tên là Happy House-HH), triển khai và đánh giá hiệu quả qua áp dụng thiết kế thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng theo cụm tại 8 trường THPT của Hà Nội bởi Trường Đại học Y tế công cộng phối hợp với Đại học Monash và Đại học QUT, Úc (2019 – 2023). Các công bố ban đầu của chương trình cho thấy sự tự chủ của HS được cải thiện (4) và chương trình được chứng minh là có chi phí - hiệu quả trong dự phòng các các vấn đề SKTT (5). Mục tiêu của bài báo này nhằm phân tích khả năng duy trì chương trình ở 4 trường THPT đã thực hiện can thiệp sau khi dự án kết thúc.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Nghiên cứu định tính: HS lớp 10, cha mẹ HS, giáo viên, lãnh đạo trường THPT

Nghiên cứu định lượng: HS lớp 10

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu:

4 trường THPT thực hiện can thiệp: 2 trường nội thành, 2 trường ngoại thành (chọn ngẫu nhiên từ các trường THPT công lập) tại Hà Nội. Thời gian thu thập thông tin từ tháng 4 – 6 năm 2021.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang kết hợp phương pháp định tính và phương pháp định lượng.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Cỡ mẫu: Nghiên cứu định tính: 6 TLN và 2 PVS (Bảng 1). Nghiên cứu định lượng sử dụng công thức cỡ mẫu 1 tỷ lệ cho nghiên cứu cắt ngang.

$$n = \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 P(1 - P)}{d^2}$$

Trong đó: p= 0,5 là mong muốn tiếp tục can thiệp để đạt cỡ mẫu tối đa; d=0,06; hệ số thiết kế DE=2. Cỡ mẫu n cần =533 HS. Tổng số HS tại các trường can thiệp là 542, do đó chọn toàn bộ HS (Bảng 1).

Phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu định lượng chọn mẫu nhiều giai đoạn (dựa trên nghiên cứu can thiệp HH) và đã được mô tả trong công bố của Lê Linh Nga và cộng sự (4). Nghiên cứu định tính chọn mẫu đa dạng tối đa các đối tượng liên quan tới việc duy trì can thiệp tại trường học bao gồm: HS tham gia toàn bộ các buổi can thiệp, cha mẹ của HS đã tham gia can thiệp, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên tham gia hướng dẫn can thiệp, đại diện BGH trường can thiệp, người chỉ đạo trực tiếp can thiệp.

Bảng 1. Tổng hợp đối tượng, phương pháp, công cụ, cỡ mẫu nghiên cứu

TT	Đối tượng	Cỡ mẫu	Công cụ
1	HS lớp 10	542 HS	Bộ câu hỏi định lượng sau can thiệp 6 tháng
2	HS lớp 10	02 TLN (3 HS/lớp x 3 lớp x 2 trường nội/ngoại thành)	Bản hướng dẫn TLN dành cho HS
3	Giáo viên	02 TLN (5-6 GV/trường x 2 trường nội/ngoại thành)	Bản hướng dẫn TLN dành cho giáo viên
4	Cha mẹ HS	02 TLN (6-8 người x 2 trường nội/ngoại thành)	Bản hướng dẫn TLN dành cho cha mẹ HS
5	Đại diện BGH	02 PVS (2 trường nội/ngoại thành)	Bản hướng dẫn TLN dành cho BGH

2.5. Biến số và chủ đề nghiên cứu. Biến số nghiên cứu định lượng bao gồm: mức độ phù hợp của chương trình để duy trì (4 câu), tính hữu ích của chương trình (7 câu), mong muốn tiếp tục tham gia (1 câu). Các biến số trên được đo lường bằng câu hỏi 5 mức độ. Hệ số tin cậy Cronbach alpha về thang đo 7 câu đo lường tính hữu ích của chương trình là 0,886. Với các thang đo 5 mức độ, điểm trung bình (TB) được tính toán và chia thành 5 nhóm (6): Rất thấp (1,0 - 1,8), Thấp (1,8 - 2,6), Trung bình (2,6-3,4), Cao (3,4 -4,2) và Rất cao (4,2 -5,0).

Chủ đề nghiên cứu định tính bao gồm: (1) tính hữu ích, (2) sự phù hợp để duy trì, (3) mong muốn tiếp tục chương trình, (4) thuận lợi trong điều chỉnh và lồng ghép chương trình; (5) năng lực của trường học; (6) sự thuận lợi về chính sách.

2.6. Thu thập, xử lý và phân tích số liệu.

Nghiên cứu định tính: PVS/TLN trực tiếp các đối tượng tại trường học dựa trên các bản hướng dẫn; có ghi chép, ghi âm theo sự đồng thuận; gỡ băng và phân tích theo nội dung nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng thu thập trực tuyến thông qua bộ câu hỏi tự điền bằng phần mềm Qualtrics, xử lý và phân tích thống kê mô tả (tần số, %) bằng phần mềm STATA phiên bản 14.0.

2.7. Giới thiệu về hoạt động can thiệp.

Chương trình can thiệp cho HS bao gồm 6 buổi sinh hoạt trên lớp, tại 4 trường THPT trong 6 tuần (1 buổi/tuần) từ tháng 10 -11 năm 2020. Mỗi buổi sinh hoạt kéo dài trong 90 phút (thực hiện bởi 2 người hướng dẫn bao gồm 1 nghiên cứu viên và 1 giáo viên tại trường THPT). Chi tiết về các hoạt động can thiệp HH được mô tả trong công bố của Nguyễn Thu Hà và cộng sự (7).

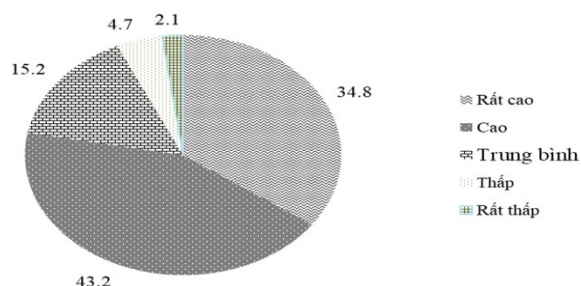
2.8. Đạo đức nghiên cứu. Nghiên cứu được chấp thuận bởi Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của trường Đại học Y tế công cộng (số 488/2019/YTCC-HD3 ngày 15 tháng 11 năm 2019).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu:

Đã có 531 HS tham gia nghiên cứu, trong đó 37,7% là HS nam, 51,8% HS ở ngoại thành. Khả năng duy trì của chương trình được trình bày theo 6 nhóm kết quả dưới đây:

Chương trình can thiệp được đánh giá là hữu ích. Điểm TB về tính hữu ích của chương trình can thiệp đạt 3,8 (SD=0,7) trên thang 5 điểm, trong đó có 78,0% HS đánh giá HH có tính hữu ích ở mức cao và rất cao (Hình 1).



Hình 1. Kết quả về tính hữu ích của chương trình

Tính hữu ích của HH thể hiện qua ứng phó với mâu thuẫn, căng thẳng, giữ bình tĩnh và hòa khí còn được nhấn mạnh qua nghiên cứu định tính với HS:

"Giúp em giữ bình tĩnh và giữ hòa khí với mọi người. Em cảm thấy mình kiểm soát cảm xúc rất là tốt ạ, về mọi vấn đề trong gia đình, bạn bè hay là cuộc sống bên ngoài xã hội cũng vậy" _TLN_HS_2

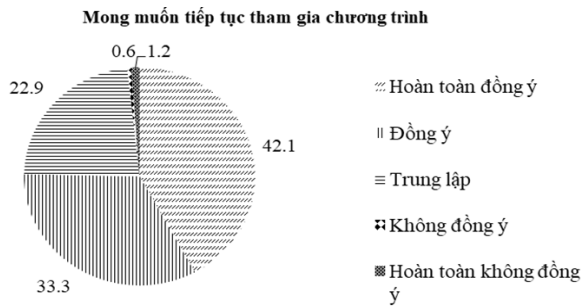
Đại diện lãnh đạo Nhà trường và cha mẹ HS cũng đồng quan điểm về lợi ích toàn diện của HH không chỉ với HS mà còn hữu ích với giáo viên và cha mẹ HS giúp chăm sóc SKTT cho HS:

"Thầy cô cũng được trang bị kiến thức về SKTT,..., đã hiểu hơn và có cách tiếp cận, quản lý lớp tốt hơn. Học sinh cũng có những công cụ để đánh giá xem SKTT của mình đang ở mức độ nào...., cha mẹ cũng có những cách tiếp cận khác liên quan đến SKTT của con mình" _PVS_BGH_2

Chương trình can thiệp được đánh giá là phù hợp để duy trì. Kết quả định lượng cho thấy, thời gian và thời lượng buổi sinh hoạt được đánh giá là phù hợp ở mức "Cao" để duy trì (điểm TB lần lượt là 3,9 (SD=1,0) và 3,7 (SD=1,0)). Tổng thể chung về chương trình đạt điểm TB là 4,2 (SD=0,9), đặc biệt người hướng dẫn được đánh giá là phù hợp ở mức "Rất cao" để duy trì (4,3 (SD=0,9)). Giải thích rõ hơn cho kết quả trên, HS đã rất thích thú khi nhắc về giáo viên hướng dẫn và những điều khiến HS đánh giá cao bao gồm sự nhiệt tình, tâm lý, vui vẻ cũng như phương pháp hướng dẫn trên lớp:

"2 cô đều rất là nhiệt tình, rất là vui và tâm lý ạ,... Khi mà nói về các vấn đề, thì cô sẽ cho mình đặt những tình huống đóng vai, để sau mình tiếp cận nó một cách dễ dàng. Nói chung 2 cô rất là Perfect (hoàn hảo)"_TLN_HS_2

Chương trình can thiệp nhận được mong muốn tiếp tục tham gia. Kết quả khảo sát với HS cho thấy đa số (75,3%) trả lời đồng ý/hoàn toàn đồng ý về mong muốn tiếp tục tham gia HH (Hình 2).



Hình 2. Mong muốn tiếp tục tham gia chương trình của học sinh

Nghiên cứu định tính cho thấy mong muốn và nhu cầu để HS tham gia, tham gia thường xuyên chương trình:

"...cũng mong muốn là nên đưa những chương trình này nó trở thành 1 tiết học để luôn luôn nhắc nhở hay hướng cho các con, để được lâu dài hơn nữa" TLN_PH

Chương trình can thiệp có sự thuận lợi trong điều chỉnh và lồng ghép. Chương trình không nhận được ý kiến phải điều chỉnh thêm, ngoại trừ về thời lượng buổi sinh hoạt để thuận lợi cho trường học trong duy trì thực hiện HH.

"Mình nên tách ra là 2 tiết riêng sẽ phù hợp hơn, thuận lợi hơn, ... vì thời khóa biểu các con nhà mình (HS) gần như là kín để xếp 2 tiết/buổi" PVS_BGH_1

Chương trình có khả năng cao trong lồng ghép với chương trình đào tạo Nhà trường, với thời lượng hiện có dành cho các hoạt động trải nghiệm tại trường học:

"Có thể lồng ghép vào tiết chào cờ, có thể lồng ghép vào tiết sinh hoạt để có thể bố trí thời gian nó linh hoạt hơn. Chúng ta có thể lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa của nhà trường luôn" PVS_BGH_2

Năng lực trường học trong duy trì chương trình can thiệp. Sự hỗ trợ và cam kết từ phía lãnh đạo trường học được coi là khía cạnh của việc tổ chức và duy trì HH tại các lớp học. Khi đã cam kết và hỗ trợ, BGH sẽ phân bổ về thời gian, nhân lực thực hiện; tuy nhiên đảm bảo giáo viên được đào tạo đầy đủ là việc cần thiết, cần chuẩn bị trước đó:

"Chúng ta có thể đào tạo cho giáo viên kỹ hơn,..., để thầy cô có thể tự tin chủ động hơn trong việc truyền đạt cho HS" PVS_BGH_2

Sự tự tin thực hiện, động lực và cam kết của giáo viên, sự ủng hộ của cha mẹ trong duy trì can thiệp là điều vô cùng cần thiết. Sau chương trình can thiệp, trong khi một nhóm giáo viên cảm thấy chưa sẵn sàng về chuyên môn và cần đào tạo thêm thì một nhóm giáo viên khác có

phản hồi tự tin để duy trì. Mặt khác, những đánh giá tích cực về can thiệp cũng đã góp phần tạo động lực, sự cam kết của giáo viên và sự ủng hộ của cha mẹ HS trong duy trì can thiệp:

"Mình thấy chương trình có rất nhiều điểm tích cực, có lợi cho chính mình đã; sau đó nó có lợi cho học sinh của mình. Và tất nhiên rồi, nếu khi có lợi thì chúng ta nên duy trì" TLN_GV_1

"Phải được học kỹ năng sống vì để mà giải quyết công việc hằng ngày" TLN_PH

Thời gian, cơ sở vật chất và kinh phí được xem là tiêu chí thể hiện năng lực từ phía trường học để duy trì chương trình. Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy những tín hiệu tích cực từ phía trường học trong huy động nguồn lực có sẵn:

"Kinh phí thì mình nghĩ nó cũng không thành một vấn đề quá lớn vì các trường thấy thực sự nó có ích cho HS thì các trường cũng sẵn sàng đầu tư thời gian thậm chí nhân lực để giúp làm công việc này cho HS" PVS_BGH_2

Đặc điểm về chính sách tạo sự thuận lợi trong duy trì chương trình can thiệp. Các chính sách hiện tại đều tạo môi trường thuận lợi như: có quỹ thời gian để có thể lồng ghép hoặc quy định về định biên liên quan tới thực hiện các chương trình chăm sóc SKTT VTN. Kết quả này được tìm thấy trong nghiên cứu định tính với đại diện lãnh đạo Nhà trường:

"Sở vẫn đang triển khai đến các trường THPT một thời lượng dành cho chương trình ngoại khóa ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp văn hóa, văn minh thanh lịch" PVS_BGH_1

IV. BÀN LUẬN

Tính hữu ích, sự phù hợp để duy trì và mong muốn tiếp tục tham gia HH. Mặc dù chương trình HH có điểm TB về tính hữu ích thấp hơn so với Chương trình Shamiri phòng chống trầm cảm, lo âu nhưng nguyên nhân có thể thấy rõ là do HH can thiệp dự phòng phổ quát, quy mô hơn 500 HS của THPT tại Hà Nội, trong khi Shamiri can thiệp chỉ trên 51 HS có nguy cơ với trầm cảm, lo âu cao và sống tại khu ổ chuột của Kibera, Nairobi. Phù hợp với nhu cầu HS là một trong những tiêu chí được xem xét về khả năng duy trì. HH nhận được nhiều phản hồi tích cực, đặc biệt là "người hướng dẫn" có điểm trung bình ở mức rất cao, cao hơn so với nghiên cứu của Osborn và cộng sự. HH chỉ ra các đặc điểm của người hướng dẫn được đánh giá là phù hợp, kết quả này tương đồng với mô tả trong các nghiên cứu khác gồm: sự thân thiện; có kỹ năng hướng dẫn, có phương pháp truyền tải, có phong cách. Về mong muốn tiếp tục chương trình, HH

nhận được sự đồng thuận từ cả HS, cha mẹ HS và trường học. Điều này cũng đã được nhấn mạnh là tiêu chí rất quan trọng trong báo cáo nghiên cứu tổng quan về khả năng duy trì các chương trình can thiệp y tế công cộng tại trường học (8).

Năng lực của trường học trong sẵn sàng duy trì chương trình. Sự hỗ trợ và cam kết từ lãnh đạo Nhà trường, sự tự tin, động lực và cam kết từ giáo viên được xem xét là yếu tố đóng vai trò quan trọng tới khả năng duy trì, tương đồng với nghiên cứu khác đặc biệt trong bối cảnh chi phí thấp và hạn chế về nguồn lực. Để tăng sự tự tin thực hiện can thiệp, việc giáo viên khi được đào tạo phù hợp và nhận đủ sự hỗ trợ cần thiết sẽ giúp duy trì HH tại trường học. Mặc dù tổ chức dựa vào trường học, nhưng sự ủng hộ của cha mẹ được đề cập đến như là yếu tố tạo thuận lợi để HS tham gia vào chương trình can thiệp, được khẳng định trong nghiên cứu khác (9). Liên quan tới thời gian, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra đây là yếu tố gây khó khăn trong duy trì chương trình can thiệp tại trường học, đặc biệt thời lượng 60-90 phút/buổi đều được ghi nhận là quá dài, khó kết hợp với trường học. Tuy nhiên, can thiệp Happy House dễ dàng điều chỉnh nên đây là điều thuận lợi.

Sự thuận lợi trong điều chỉnh và lồng ghép của HH. HH không nhận được nhiều yêu cầu điều chỉnh, là do đã được điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với VTN Việt Nam (10). Điều này đã tạo sự thuận lợi hơn rất nhiều so với các can thiệp khác – được báo cáo cần có sự điều chỉnh về cấu trúc can thiệp, hoặc nội dung cần được minh họa phù hợp với đặc điểm đối tượng. Khả năng cao trong lồng ghép chương trình can thiệp đã khắc phục được khó khăn về thời gian tại trường học.

Sự thuận lợi về chính sách để duy trì chương trình can thiệp. Các chính sách, quy định hiện tại tạo môi trường thuận lợi trong triển khai hoạt động chăm sóc SKTT cho HS. Nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác hỗ trợ, tư vấn tâm lý cho HS đã được ban hành: Công văn số 4252/BGDĐT-GDCHSSV ngày 31/8/2022, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019, Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017. Mặt khác, chương trình giáo dục phổ thông đổi mới (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018) đã tăng thời gian cho các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại trường học so với chương trình cũ.

V. KẾT LUẬN

Chương trình HH có nhiều yếu tố thuận lợi để duy trì bao gồm: hữu ích, phù hợp để duy trì, được các bên liên quan mong muốn tiếp tục; dễ dàng điều chỉnh và lồng ghép với các hoạt động khác; trường học sẵn sàng về nhân lực, cơ sở vật chất, sự hỗ trợ, cam kết, tự tin trong thực hiện; có các chính sách về chăm sóc SKTT tại trường học.

Tuy nhiên, để duy trì cần thực hiện đào tạo đầy đủ cho giáo viên và cần tiếp tục có những phân tích sâu hơn về thuận lợi, khó khăn khi triển khai trong các bối cảnh cụ thể.

VI. LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số NHMRC.108.01-2018.02. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban quản lý dự án, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội, các trường THPT ở Hà Nội, cũng như các em HS lớp 10 đã giúp đỡ tạo điều kiện và tham gia vào quá trình nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Xã hội học, Đại học Queensland, Hopkins TYtCcBĐhJ. Điều tra Sức khỏe Tâm thần Vị thành niên Việt Nam: Báo cáo Kết quả chủ yếu. Viện Xã hội học; 2022.
2. Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoài Phương, Nam TT. Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh và nhu cầu sử dụng ứng dụng tư vấn tâm lý trong trường học. Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam. 2019;61(10).
3. Trung tâm truyền thông giáo dục. Chia sẻ kinh nghiệm về triển khai công tác xã hội, tư vấn tâm lý học đường Bộ Giáo dục và Đào tạo 2023. Accessed on 24 June at: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8549>.
4. Lã Linh Nga, Trần Đức Thạch, Lã Thị Bưởi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thanh Hương. Cải thiện sự tự chủ ở vị thành niên: Kết quả chương trình can thiệp sức khỏe tâm thần Happy House tại các trường trung học phổ thông của Hà Nội. Tạp chí Y học Việt Nam. 2023;522(1):351-6.
5. Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Nga, Lã Linh Nga, Trần Đức Thạch, Ian Shochet, et al. Chi phí- hiệu quả của chương trình can thiệp sức khỏe tâm thần vị thành niên trong trường học tại Việt Nam (RAP-V): Kết quả ban đầu từ phân tích xác định. Tạp chí Y học dự phòng. 2022;32(2):139-46.
6. Phạm Xuân Giang, Thảo NTH. Chính xác hóa một khái niệm trong nghiên cứu định lượng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ. 2020;46:158-61.
7. Nguyễn Thu Hà. Chi phí – hiệu quả chương trình can thiệp sức khỏe tâm thần vị thành niên trong trường học tại Việt Nam (RAP-V). Hà Nội: Trường Đại học Y tế công cộng; 2022.
8. Herlitz L, MacIntyre H, Osborn T, Bonell C. The sustainability of public health interventions in

- schools: a systematic review. *Implementation Science*. 2020;15(1):4.
9. **Burckhardt R, Manicavasagar V, Batterham PJ, Miller LM, Talbot E, Lum A.** A Web-Based Adolescent Positive Psychology Program in Schools: Randomized Controlled Trial. *Journal of medical Internet research*. 2015;17(7):e187.
10. **La NL, Shochet I, Tran T, Fisher J, Wurfl A, Nguyen N, et al.** Adaptation of a school-based mental health program for adolescents in Vietnam. *PLOS ONE*. 2022;17(8):e0271959.